

Phụ lục I
MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HIỆP HOÀ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2024-2025

(Thời điểm báo cáo ngày 31 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung

- Tên trường: Trường THCS Hiệp Hoà
- Địa chỉ: Thôn 2, xã Hiệp Hoà, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
- Web: <https://quangyen.quangninh.edu.vn/c2hiephoa/Home.aspx>
- Loại hình trường: Công lập
- Sứ mạng: “Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao”.
- Tầm nhìn “ Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại”.
- Giá trị cốt lõi: “ Bền chí chuyên tâm – Học hành chăm chỉ”

1.1. Số liệu:

- Tổng số CB-GV-CNV: 39 Nữ: 38
Trong đó: CBQL: 02; GV: 34; NV: 03.
- + Số lượng GV đạt chuẩn: 31, trên chuẩn
01/34 (Trình độ CB-GV: 01 thạc sĩ; ĐH
31; CĐ 02).

+ Số lượng CBQL, GV hoàn thành
các Chương trình bồi dưỡng hàng năm

theo quy định: 39/39 (đạt tỷ lệ 100%)

- CB-GV-NV đều cư ngụ trên địa bàn thị xã Quảng Yên

1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

Trường THCS Hiệp Hoà nằm ở trung tâm xã Hiệp Hoà. Nay là Trường THCS Hiệp Hoà. Chính trong giai đoạn này Trường THCS Hiệp Hoà đã đi vào thế phát triển ổn định, bền vững cả về số lượng và chất lượng giáo dục. |

Đặc biệt từ năm 2018 đến nay, được sự quan tâm của các cấp, các ngành, sự hỗ trợ của tỉnh, của thị xã và Đảng bộ chính quyền xã Hiệp Hoà, sự giúp đỡ của các cơ quan, doanh nghiệp, của các nhà hảo tâm, sự ủng hộ của các thế hệ cha mẹ học sinh... Trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1; Hiện nay, trường học ngày càng khang trang, phương tiện phục vụ cho dạy và học ngày càng hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Mục tiêu hàng đầu của trường là “Dạy tốt -Học tốt”. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng giáo dục luôn được nhà trường chú trọng. Để làm tốt công tác này, Ban giám hiệu đã luôn sâu sát trong chỉ đạo chuyên môn cũng như trong công tác giáo dục đạo đức học sinh. Đội ngũ giáo viên của nhà trường thường xuyên được bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng giảng dạy và quản lý. Hiện nay, giáo viên nhà trường đã có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn.

Nhà trường không ngừng phấn đấu vươn lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng sự nghiệp giáo dục của địa phương, luôn là địa chỉ đáng tin cậy của nhân dân trên địa bàn xã Hiệp Hoà.

Từ khi thành lập, trường nhiều năm đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến cấp huyện (thị xã), tập thể lao động xuất sắc, được nhận nhiều Giấy khen, Bằng khen của các cấp; Công đoàn trong sạch, vững mạnh; Liên đội vững mạnh cấp thị xã, cấp tỉnh tặng giấy khen. Đây là kết quả nỗ lực phấn đấu của thầy và trò trường THCS Hiệp Hoà tạo tiền đề cho những năm học tiếp theo đạt trường chuẩn quốc gia, chuẩn chất lượng giáo dục. Nhà trường được UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2018. Hàng năm, trường luôn đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Tập thể Lao động Tiên tiến". Năm học 2019-2020 nhà trường vinh dự được nhận cờ thi đua dẫn đầu khối trường THCS xuất sắc; 3 năm đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc vào các năm học 2020-2021; 2021-2022, 2022-2023 và được chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh tặng bằng khen. Nhà trường được Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen vào năm học 2021-2022; UBND thị xã Quảng Yên tặng giấy khen tập thể đã có thành tích xuất sắc trong công tác và phong trào thi đua liên tục trong các năm học từ 2021-2022 đến năm 2022-2023. Hằng năm, chi bộ được xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm học 2022-2023 Công đoàn được tặng Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Năm học 2023-2024 trường đạt danh hiệu tập thể Lao động xuất sắc, Công đoàn được tặng Giấy khen của Liên đoàn Lao động thị xã.

Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo quyết định số 269/QĐ-SGD ngày 30/8/2024 và Trường chuẩn Quốc cấp độ 1. Đẩy mạnh bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Tiếp tục việc đầu tư sử dụng nguồn ngân sách hiệu quả và tiếp tục huy động XHH tăng cường CSVN trang thiết bị, xây dựng cảnh quan sư phạm nhà trường.

Năm học 2024-2025, nhà trường có tổng số 39 CB, GV, NV và 831 HS được biên chế vào 19 lớp (khối 6: 05 lớp; khối 7: 06 lớp; khối 8: 04 lớp; khối 9: 04 lớp).

Có thể khẳng định, lịch sử phát triển và thành tích đã đạt được của trường THCS Hiệp Hoà trong gần 30 năm qua là rất đáng tự hào. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ

trường THCS Hiệp Hoà, Nhà trường đang đi những bước rất vững chắc trên con đường tự khẳng định mình, xây dựng mái trường THCS Hiệp Hoà trở thành một vườn ươm tài năng cho quê hương.

- Tên hiệu trưởng hiện nay: **Nguyễn Thuý Quỳnh** 0984017977; Email: quynhthuynghuyen1911@gmail.com.

- Hiện nay trường được xây dựng khang trang với Diện tích 6700m², gồm khu 3 tầng và 4 tầng và một số phòng chức năng khác... có 01 nhà xe giáo viên 300m², 01 nhà xe học sinh với 500m²; có công trình vệ sinh giáo viên và học sinh đảm bảo theo yêu cầu; trường có sử dụng hệ thống nước sạch.

- Tổ chức bộ máy nhà trường: được chia làm 03 tổ gồm: Tổ Văn phòng, tổ KHTN, tổ KHXH gồm 39 cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường.

+ Tổng số học sinh toàn trường là 831 gồm 19 lớp: Khối 6 là: 214 học sinh ; Khối 7 là: 257 học sinh; Khối 8: 180 học sinh; Khối 9 là: 180.

1.3.Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

- **Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo**

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	39	0	1	35	2	1	0								
I	Giáo viên	34	0	1	31	2	0	0								
	Trong đó số giáo viên dạy môn:															
1	Toán	10	0	1	9	0	0	0	2	8		0	10			
2	Lý	3	0	0	3	0	0	0		3		0	3			
3	Hóa	2	0	0	2	0	0	0		2		0	2			
4	Sinh	3	0	0	3	0	0	0		3		0	3			
5	Văn	9	0	0	9	0	0	0	2	6	1	0	5	4		
6	Sử	2	0	0	2	0	0	0		2		0	1	1		
7	Địa	3	0	0	3	0	0	0		3		0	3			
8	Tiếng Anh	6	0	0	6	0	0	0		4		0	4	2		
9	Thể dục	3	0	0	3	0	0	0		2	1	0	3			

10	Tin học	1	0	0	1	0	0	0		0	1	0	1			
11	Mĩ thuật	2	0	0	2	0	0	0	1	1		0	2			
12	Nhạc	2	0	0	2	0	0	0		2		0	1	1		
13	Công nghệ	3	0	0	3	0	0	0		3		0	2	1		
14	Công dân	1	0	0	1	0	0	0						1		
15	TPT	1	0	0	1	0	0	0		1		0	1			
II	Cán bộ quản lý	3	0	1	2	0	0	0								
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	1	1	0	0	0	1	1	0	0	2	0	0	0
III	Nhân viên															
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán				1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế					1										
5	Nhân viên thư viện															
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm					1										
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật															
8	Nhân viên công nghệ thông tin															
9	Nhân viên BV							2								

***Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:**

- CBQL: Đồng chí Hiệu trưởng và đồng chí Phó hiệu trưởng được cấp trên đánh giá chuẩn nghề nghiệp mức độ Tốt.
- Kết quả xếp loại chuẩn nghề nghiệp GV THCS: Tổng số GV: 34, trong đó Tốt: 13/34= 38,2%; Khá: 21/34 = 61,8%; Đạt: Không; Chưa đạt: Không
- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 39/39=100% (trong đó 03 CBQL, 34 GV, NV 03)

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	16	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	16	864/831
1	Phòng học kiên cố	16	864/831
2	Phòng học bán kiên cố	00	
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	06	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	-
7	Bình quân lớp/phòng học	0,84	-
8	Bình quân học sinh/lớp	43,7	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	6670m2	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3300	
VI	Tổng diện tích các phòng	1144	
1	Diện tích phòng học (m ²)	864	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	90	
3	Diện tích thư viện (m ²)	77	
STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	

5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	45	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	4	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 6	1	1
1.2	Khối lớp 7	1	1
1.3	Khối lớp 8	0	0
1.4	Khối lớp 9	1	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp ...	0	0
2.2	Khối lớp ...	0	0
2.3	Khối lớp 8	1	0
2.4	Khối lớp ...	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	0
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	00	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	01	
2	Cát xét	03	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03	
5	Thiết bị khác...		
STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
6			
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp

1	Ti vi	01	
2	Cát xét	03	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	03	
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	01	27	2	70	2	70
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	

XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI

- Danh mục sách giáo khoa 6

STT	Môn/HĐGD	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Toán	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
2	Ngữ văn	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	GDCD	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
4	GDTC	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản GD Việt Nam
6	Lịch sử - Địa lí	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
7	Mĩ thuật	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản GD Việt Nam
9	KHTN	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
10	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản GD Việt Nam.
11	Tiếng Anh	Global success	Nhà xuất bản GD Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

- Danh mục sách giáo khoa 7

STT	Môn/HĐGD	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Toán	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
2	Ngữ văn	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	GDCD	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
4	GDTC	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản GD Việt Nam
6	Lịch sử - Địa lí	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
7	Mĩ thuật	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản GD Việt Nam

9	KHTN	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
10	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản GD Việt Nam.
11	Tiếng Anh	Global success	Nhà xuất bản GD Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

- Danh mục sách giáo khoa 8

STT	Môn/HĐGD	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Toán	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
2	Ngữ văn	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	GDCD	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
4	GDTC	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản GD Việt Nam.
6	Lịch sử - Địa lí	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
7	Mĩ thuật	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản GD Việt Nam.
9	KHTN	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
10	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản GD Việt Nam.
11	Tiếng Anh	Global success	Nhà xuất bản GD Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

- Danh mục sách giáo khoa 9

STT	Môn/HĐGD	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Toán	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
2	Ngữ văn	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
3	GDCD	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
4	GDTC	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
5	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản GD Việt Nam
6	Lịch sử - Địa lí	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
7	Mĩ thuật	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

8	Công nghệ - Định hướng nghề nghiệp	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản GD Việt Nam
9	Công nghệ - Mô đun lắp đặt mạng điện trong nhà	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản GD Việt Nam
10	KHTN	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
11	Âm nhạc	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản GD Việt Nam.
12	Tiếng Anh	Global success	Nhà xuất bản GD Việt Nam
13	Hoạt động trải nghiệm	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

* Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TT	DANH MỤC	Đơn vị	Số lượng
1	Ngữ văn 9/1 (CD)	Quyển	7
2	Ngữ văn 9/2 (CD)	Quyển	7
3	Toán 9/1 (CD)	Quyển	7
4	Toán 9/2 (CD)	Quyển	7
5	Tin học 9 (KNTT)	Quyển	4
6	Công nghệ 9- Định hướng nghề nghiệp (KNTT)	Quyển	5
	Công nghệ 9- Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà (KNTT)	Quyển	5
7	Giáo dục công dân 9 (CD)	Quyển	4
8	Mĩ thuật 9 (CD)	Quyển	4
9	Giáo dục thể chất 9 (CD)	Quyển	4
10	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 (CD)	Quyển	6
11	Bài tập Ngữ văn 9/1 (CD)	Quyển	7
12	Bài tập Ngữ văn 9/2 (CD)	Quyển	7
13	Bài tập Toán 9/1 (CD)	Quyển	7
14	Bài tập Toán 9/2 (CD)	Quyển	7
15	Bài tập Tin học 9 (KNTT)	Quyển	4
16	Bài tập Công nghệ 9-Định hướng nghề nghiệp, Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà (KNTT)	Quyển	4
17	Khoa học tự nhiên 9 (KN)	Quyển	7

18	Lịch sử và Địa lí 9 (KN)	Quyển	6
19	Âm nhạc 9 (KN)	Quyển	4
20	Tiếng anh 9 (Global Succes) - Sách học sinh (Hoàng Văn Vân)	Quyển	6
21	Thực hành Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 (CD)	Quyển	3
22	Tập bản đồ Lịch sử & Địa lí 9- Phần Lịch sử	Quyển	3
23	Tập bản đồ Lịch sử & Địa lí 9- Phần Địa lí	Quyển	3
24	Hoạt động giáo dục STEM lớp 9	Quyển	3
25	Ngữ văn 9, tập một - SGK (CD)	Quyển	7
26	Ngữ văn 9, tập hai - SGK (CD)	Quyển	7
27	Giáo dục thể chất 9 - SGK (CD)	Quyển	4
28	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 - SGK (CD)	Quyển	6
29	Giáo dục công dân 9 - SGK (CD)	Quyển	4
30	Toán 9 - SGK (CD)	Quyển	7
31	Công nghệ 9 - Định hướng nghề nghiệp-Lắp đặt mạng điện trong nhà-SGV (CD)	Quyển	5
32	Tin học 9 - sách giáo viên (CD)	Quyển	4
33	Mĩ thuật 9 - sách giáo viên (CD)	Quyển	4
34	Khoa học tự nhiên 9 - SGK (CD)	Quyển	7
35	Lịch sử và Địa lí 9 - SGK (KN)	Quyển	6
36	Âm nhạc 9 - SGK (KN)	Quyển	4
37	Tiếng anh 9 (Global Succes) - SGK	Quyển	6
38	Tiếng anh 9 (Global Succes) - Sách bài tập	Quyển	6
39	Bài tập Khoa học tự nhiên 9 (KN)	Quyển	7
40	Bài tập Lịch sử và Địa lí 9 - Phần Địa lí (KN)	Quyển	3
41	Bài tập Lịch sử và Địa lí 9 - Phần lịch sử (KN)	Quyển	3

DANH MỤC SÁCH THAM KHẢO HIỆN CÓ TẠI THƯ VIỆN			
<i>(Đối với sách theo dõi theo số cá biệt ghi trên sổ)</i>			
STT	Tên sách	Số lượng	Giá trị còn sử dụng
1	Truyện cổ các Dân tộc Việt Nam Tập 1	3	55%-65%
2	Truyện cổ các Dân tộc Việt Nam Tập 2	3	55%-65%
3	99 gương hiếu thảo hiếu học	3	50%-60%
4	Ca sĩ mùa hè	4	65%-70%
5	Dòng sông phẳng lặng (Tiểu thuyết) - Tập 1	3	50%-60%
6	Dòng sông phẳng lặng (Tiểu thuyết) - Tập 2	3	50%-60%
7	Dòng sông phẳng lặng (Tiểu thuyết) - Tập 3	3	50%-60%
8	14 gương mặt nhà văn đồng nghiệp	4	50%-60%
9	Bách khoa toàn thư tuổi trẻ: Thiên nhiên và môi trường	2	45%-50%
10	Bách khoa toàn thư tuổi trẻ: Nhân loại và xã hội	2	45%-50%
11	60 gương hiếu thảo, hiếu học	4	40%-45%
12	Bộ sách tri thức tuổi hoa niên thế kỷ XXI: Động vật	3	50%-60%
13	Bộ sách tri thức tuổi hoa niên thế kỷ XXI: Thực vật	3	50%-60%
14	Bộ sách tri thức tuổi hoa niên thế kỷ XXI: Vũ trụ	3	50%-60%
15	Tiểu thuyết thứ năm tác giả và tác phẩm	3	50%-60%
16	Hồ Ngọc Đại bài báo	3	50%-60%
17	Tiểu thuyết thứ năm (tác giả và tác phẩm) - Tập 1	3	50%-60%
18	Vũ Ngọc Phan - Qua những trang văn (Phê bình - Tiểu luận) - Tập 1	2	40%-50%
19	Vũ Ngọc Phan - Qua những trang văn Phê bình - Tiểu luận) - Tập 2	2	40%-50%
20	Vũ Ngọc Phan - Qua những trang văn (Phê bình - Tiểu luận) - Tập 3	2	40%-50%
21	Vũ Ngọc Phan - Qua những trang văn (Phê bình - Tiểu luận) - Tập 4	2	40%-50%

22	Vũ Ngọc Phan - Qua những trang văn (Phê bình - Tiểu luận) - Tập 5	2	40%-50%
23	Nữ danh ca (Tiểu thuyết)	3	50%-60%
24	Hắc kỳ thảo khấu	2	50%-60%
25	Tranh luận văn nghệ thế kỷ XX - Tập 1	2	50%-60%
26	Tranh luận văn nghệ thế kỷ XX - Tập 2	2	50%-60%
27	Chuyện ít biết về văn nghệ sĩ	3	50%-60%
28	Phan Bội Châu - Tập 1	2	50%-60%
29	Phan Bội Châu - Tập 2	2	50%-60%
30	Phan Bội Châu - Tập 3	2	50%-60%
31	Phan Bội Châu - Tập 4	2	50%-60%
32	Phan Bội Châu - Tập 5	2	50%-60%
33	Phan Bội Châu - Tập 6	2	50%-60%
34	Phan Bội Châu - Tập 7	2	50%-60%
35	Phan Bội Châu - Tập 8	2	50%-60%
36	Phan Bội Châu - Tập 9	2	50%-60%
37	Cơ sở tâm lý học ứng dụng - Tập 1	3	55%-65%
38	Kể chuyện đất nước văn hóa Việt Nam - Tập 1	2	50%-60%
39	Nhà báo, học giả	4	50%-60%
40	Qua những chặng đường	4	50%-60%
41	Hẹn ngày tái ngộ - Tập 1	2	50%-60%
42	Hẹn ngày tái ngộ - Tập 2	2	50%-60%
43	Những người lao động sáng tạo của thế kỷ - Tập 1	2	40%-50%
44	Những người lao động sáng tạo của thế kỷ - Tập 2	2	40%-50%
45	Những người lao động sáng tạo của thế kỷ - Tập 3	2	40%-50%
46	Những người lao động sáng tạo của thế kỷ - Tập 4	1	40%-50%
47	Những người lao động sáng tạo của thế kỷ - Tập 5	1	40%-50%
48	Nữ tài tử	3	50%-60%
49	Tuyển tập tiểu thuyết	2	50%-60%

50	Tuyển tập truyện và ký	1	50%-60%
51	Đôn ha Bacbara	3	50%-60%
52	Tuyển tập truyện và ký	1	50%-60%
53	Vỡ bờ - Tập 1	2	50%-60%
54	Vỡ bờ - Tập 2	2	50%-60%
55	Tuyển tập văn học (Truyện)	2	50%-60%
56	Tuyển tập văn học (Kinh)	2	50%-60%
57	Tuyển tập văn học (Thơ)	2	50%-60%
58	Tuyển tập văn học (Tiểu luận, bút ký)	2	50%-60%
59	Thi pháp truyện ngắn trào phúng - Nguyễn Công Hoan	4	50%-60%
60	Những cơn mê	2	50%-60%
61	Kể chuyện đất nước văn hóa Việt Nam - Tập 1	2	50%-60%
62	Chân dung và kỉ niệm	2	50%-60%
63	Mãi mãi là bí mật	4	50%-60%
64	Tìm hiểu đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt	4	50%-60%
65	Mưa mùa hạ	4	50%-60%
66	Kỹ thuật nấu ăn ngon	2	50%-60%
67	104 gương hiếu và nghĩa	4	50%-60%
68	Thi pháp hiện đại	4	50%-60%
69	Tâm lý tội phạm và vấn đề chống tội phạm	4	50%-60%
70	Tiếng nói đầu tiên của khoa học	3	50%-60%
71	Bếp lửa (Thơ)	4	50%-60%
72	Côn Đảo thi tập	4	50%-60%
73	Xây dựng ý thức tình cảm dân tộc chân chính cho giai cấp công nhân Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	2	50%-60%
74	Nhìn lại xã hội học tư sản thế kỷ 20	2	50%-60%
75	Thủy hử - Tập 1	1	50%-60%
76	Thủy hử - Tập 2	1	50%-60%
77	Thủy hử - Tập 3	1	50%-60%

78	Chuyện kể của mẹ	3	50%-60%
79	Thế thứ các triều vua Việt Nam	3	45%-55%
80	Danh tướng Việt Nam - Tập 1	3	40%-50%
81	Bóng mát yêu thương	2	50%-60%
82	Thép đã tôi thế đấy	4	50%-60%
83	Sống mòn	4	50%-60%
84	Số đỏ	4	50%-60%
85	Dấu chân người lính	3	50%-60%
86	Chiến tranh và hòa bình - Tập 1	3	50%-60%
87	Chiến tranh và hòa bình - Tập 2	3	50%-60%
88	Hòn đất - Anh Đức	4	50%-60%
89	Sống như anh	4	50%-60%
90	Đất rừng phương nam	3	50%-60%
91	36 bài thơ	5	50%-60%
92	Người mẹ cầm súng	4	50%-60%
93	Chùa Đàn - Vang bóng một thời	4	50%-60%
94	Cung oán ngâm khúc	4	50%-60%
95	Thi nhân Việt Nam	5	50%-60%
96	Truyện ngắn Thạch Lam	5	50%-60%
97	Nguyễn Tuân - Tập 1	3	50%-60%
98	Nguyễn Tuân - Tập 2	3	50%-60%
99	Nguyễn Tuân - Tập 3	3	50%-60%
100	Nguyễn Công Hoan - Tập 1	3	55%-65%
101	Nguyễn Công Hoan - Tập 2	3	55%-65%
102	Tam Quốc diễn nghĩa - Tập 1	4	55%-65%
103	Tây Du Ký - Tập 1	1	55%-65%
104	Tây Du Ký - Tập 2	1	50%-60%
105	Đổi mới chính đốn Đảng nâng cao năng lực lãnh đạo	1	50%-60%
106	Đổi mới, nâng cao năng lực vai trò trách nhiệm, đạo đức của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục	1	50%-60%
107	Từ điển Anh Việt (150.000 từ)	1	30%-35%

108	Từ điển đồng nghĩa và trái nghĩa Anh - Việt	1	30%-35%
109	Từ điển văn phạm Tiếng Anh	2	50%-60%
110	Song song (Văn học trẻ Việt Nam)	5	50%-60%
111	Không gia đình	3	50%-60%
112	Từ điển thuật ngữ văn học	3	50%-60%
113	Bạn gái khéo tay	3	50%-60%
114	Tục ngữ ca dao Việt Nam	2	50%-60%
115	Truyện trạng cười Việt Nam	2	50%-60%
116	Truyện trạng Việt Nam hay nhất	3	50%-60%
117	Truyện Ba Giai Tú Xuất	2	50%-60%
118	Tiếng chim hót trong bụi mận gai	2	50%-60%
119	Tập truyện ngắn Maxim Gorky	3	50%-60%
120	Thần thoại Hy Lạp	3	50%-60%
121	Miếng da lừa	3	50%-60%
122	Túp lều Bác Tôm	3	50%-60%
123	Những vụ kỳ án nổi tiếng của Sherlock Holmes	3	50%-60%
124	Tuổi thơ dữ dội	3	50%-60%
125	Ai van hô	3	50%-60%
126	Bài học đầu tiên	5	50%-60%
127	Hai vạn dặm dưới biển	3	50%-60%
128	Số đỏ	1	50%-60%
129	Nụ hôn ngược chiều thời gian	3	50%-60%
130	Đồi gió hú	2	50%-60%
131	Sacrot Bronti - Jen Eo	2	50%-60%
132	Bá tước Môngtơ Crixto	2	50%-60%
133	Papillon - Người tù khổ sai	3	50%-60%
134	Tất cả các dòng sông đều chảy	3	50%-60%
135	Đất rừng phương Nam	3	50%-60%
136	Làm dân	5	50%-60%
137	Hầu thánh	5	50%-60%

138	Tàn đèn dầu lạc	5	50%-60%
139	CAI (cai)	5	50%-60%
140	Bút nghiên	5	50%-60%
141	Chợ phiên và chợ phiên	5	50%-60%
142	Truyện ngắn Jack London	3	50%-60%
143	Những vùng đau vô định	5	50%-60%
144	Trẻ con lấy vợ	5	50%-60%
145	Tôi kéo xe	5	50%-60%
146	Ngoại ô	5	50%-60%
147	Mười năm lưu lạc	5	50%-60%
148	Xuân Diệu	4	50%-60%
149	Huy Cận	4	50%-60%
150	Nam Cao	4	50%-60%
151	Nguyễn Bính	4	50%-60%
152	Nguyễn Du	4	50%-60%
153	Tố Hữu	4	50%-60%
154	Bài tập Tin học cơ bản và nâng cao Lớp 6	1	70%-80%
155	Bài tập Ngữ văn cơ bản và nâng cao Lớp 6 - Tập 1	1	70%-80%
156	Bài tập Ngữ văn cơ bản và nâng cao Lớp 6 - Tập 2	1	70%-80%
157	Tuyển tập đề kiểm tra môn Ngữ văn 6	1	70%-80%
158	Nói và viết văn nghị luận biểu cảm thuyết minh Lớp 6	1	70%-80%
159	Khám phá Khoa học tự nhiên Lớp 6	1	70%-80%
160	702 câu trắc nghiệm Tiếng Anh 6 (Không đáp án)	1	70%-80%
161	Nâng cao và phát triển Toán 6 - Tập 1	1	70%-80%
162	Nâng cao và phát triển Toán 6 - Tập 2	1	70%-80%
163	Bài tập Toán cơ bản và nâng cao 6 - Tập 1	1	70%-80%
164	Bài tập Toán cơ bản và nâng cao 6 - Tập 2	1	70%-80%
165	Bài tập phát triển năng lực Toán 6 - Tập 1	1	70%-80%

166	Bài tập phát triển năng lực Toán 6 - Tập 2	1	70%-80%
167	Đề kiểm tra Toán 6 - Tập 1	1	70%-80%
168	Đề kiểm tra Toán 6 - Tập 2	1	70%-80%
169	Tư duy tìm cách giải toán số học - đại số 6	1	70%-80%
170	Tư duy tìm cách giải toán hình học 6	1	70%-80%
	Tổng	458	

SÁCH VỀ BÁC HỒ

STT	Tên sách	Số lượng	Giá trị còn sử dụng
1	Kể chuyện Bác Hồ - Tập 1	2	50%-60%
2	Kể chuyện Bác Hồ - Tập 2	2	50%-60%
3	105 lời nói của Bác Hồ	5	50%-60%
4	Chuyện Bác Hồ trồng người	2	40%-45%
5	Chủ tịch Hồ Chí Minh với lực lượng công an nhân dân Việt Nam	1	60%-70%
6	Nhật ký trong tù	3	50%-60%
7	Đức tính cẩn thận, chu đáo của Bác Hồ	1	50%-60%
8	Những chuyện kể về Bác Hồ với đồng bào các dân tộc	1	50%-60%
9	Chuyện kể về thời thanh niên của Bác Hồ	1	50%-60%
10	Hồ Chí Minh với sự nghiệp giáo dục Việt Nam	1	50%-60%
11	Bác Hồ với thanh thiếu niên và nhi đồng	1	50%-60%
12	Giải thưởng Hồ Chí Minh nhà văn tác phẩm	1	70%80%
13	Chủ tịch Hồ Chí Minh với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	1	50%-60%
14	Hải Phòng làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh	2	50%-60%
15	Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp giáo dục Việt Nam	1	50%-60%
16	Đưa Bác về Pác Bó	1	45%-50%
17	Hồ Chí Minh nhà thơ lớn của dân tộc	1	50%-60%
18	Bác Hồ của chúng em	1	50%-60%

19	Chủ tịch Hồ Chí Minh với bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng	4	50%-60%
20	Bác Hồ và những câu chuyện giáo dục về đạo đức lối sống	4	50%-60%
21	Giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình và cộng đồng Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	4	50%-60%
22	Giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	4	50%-60%
23	Người là ước mơ (115 bài hát về Hồ Chủ tịch)	1	75-85%
24	Từ hang Pác Bó đến Dinh Độc lập	1	50%-60%
25	Tổng	46	
SÁCH PHÁP LUẬT			
STT	Tên sách	Số lượng	Giá trị còn sử dụng

1	Bộ luật Dân sự	1	70%-80%
2	Luật cán bộ, công chức	1	60%-70%
3	Tìm hiểu pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính	1	70%-85%
4	Luật giáo dục	1	50%-60%
5	Luật sở hữu trí tuệ	1	70%-80%
6	Bộ luật tố tụng hình sự	1	70%-80%
7	Luật bảo vệ môi trường	1	55%-65%
8	Bộ luật lao động	1	70%-80%
9	Luật phòng chống tham nhũng	1	75%-80%
10	Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	1	60%-70%
11	Luật bảo hiểm xã hội	1	70%-80%
12	Luật giao thông đường bộ	1	70%-80%
13	Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí	1	70%-80%
14	Luật thanh tra	1	70%-80%
15	Luật ban hành văn bản qui phạm pháp luật	1	70%-80%
16	Luật khiếu nại	1	70%-80%
17	Luật bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em	1	65%-75%
18	Luật thanh niên	1	70%-80%
19	Luật thuế sử dụng phi nông nghiệp	1	70%-80%
20	Luật bảo hiểm y tế	1	70%-80%
21	Luật bình đẳng giới	1	70%-80%
22	Luật tố cáo	1	70%-80%
23	Bộ luật tố tụng dân sự	1	70%-80%
24	Luật phòng, chống bạo lực gia đình	1	70%-85%
25	Luật bình đẳng giới	1	70%-80%
26	Luật trẻ em	1	70%-80%
27	Tổng	26	

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chí 1.1			x		
Tiêu chí 1.2			x		
Tiêu chí 1.3			x		
Tiêu chí 1.4			x		
Tiêu chí 1.5			x		
Tiêu chí 1.6			x		
Tiêu chí 1.7			x		
Tiêu chí 1.8			x		
Tiêu chí 1.9			x		
Tiêu chí 1.10			x		
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh					
Tiêu chí 2.1			x		
Tiêu chí 2.2			x		
Tiêu chí 2.3			x		

Tiêu chí 2.4			x		
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học					
Tiêu chí 3.1	x				
Tiêu chí 3.2	x				
Tiêu chí 3.3	x				Nhà xe, nhà kho xuống cấp. Thiếu trang thiết bị khởi hành chính – quản trị.
Tiêu chí 3.4	x				Khu vệ sinh đã xuống cấp
Tiêu chí 3.5	x				Hệ thống máy tính còn thiếu và xuống cấp Còn thiếu thiết bị dạy học bộ môn
Tiêu chí 3.6	x				Thư viện chưa đạt chuẩn
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
Tiêu chí 4.1			x		
Tiêu chí 4.2			x		
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1			x		
Tiêu chí 5.2			x		
Tiêu chí 5.3			x		
Tiêu chí 5.4			x		
Tiêu chí 5.5			x		
Tiêu chí 5.6			x		

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

	Kết quả	
--	----------------	--

Tiêu chí	Không đạt	Đạt	Nội dung đã đạt
Tiêu chí 1	x		
Tiêu chí 2	đầu đạt kiểm định chất lượng giáo dục: 02.		
Tiêu chí 3	1.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Phân đầu đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 02.		
Tiêu chí 4	2. Kế hoạch cải tiến giai đoạn 2024-2029		
Tiêu chí 5	Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính; Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng		
Tiêu chí 6	Kao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực và dạy và học Tiếng Anh;		

Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia (cấp độ 2) và để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm phòng học bộ môn đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới;

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Thực hiện có hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2.1. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.

Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy vai trò nòng cốt để nhân rộng tấm gương điển hình nhằm phát huy năng lực của người dạy. Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng chuẩn, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học.

Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh.

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành sớm hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đảm bảo để duy trì trường chuẩn.

Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Tiếp tục triển khai và thực hiện hiệu quả việc rút kinh nghiệm đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 đảm bảo chất lượng.

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023-2024

1. Thông tin tuyển sinh:

- Số hs tuyển sinh đầu cấp (lớp 6): 256 đạt tỷ lệ 100%

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2023-2024

* Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo

- Khối 6, 7, 8

+ Học tập và rèn luyện

Lớp	Tổng số HS (*)	Học tập								Rèn luyện								Khen thưởng cuối năm			
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi	
		SL	%	SL	%	SL	%	S L	%	SL	%	SL	%	S L	%	S L	%	SL	%	SL	%
	615	110	17.9	295	48	209	34.0	1	0.2	459	74.6	155	25.2	1	0.2	0	0	8	1.3	102	16.6
K6	257	32	12.5	118	45,9	106	41.3	1	0.4	166	64.6	91	35.4	1	0.4	0	0	2	0.8	30	11.7
K 7	180	37	20.6	93	51.7	50	27.7	0	0	147	81.7	33	18.3	0	0	0	0	2	1.1	35	19.4
K8	178	41	23.0	84	47.2	53	29.8	0	0	146	82.0	31	17.4	1	0.6	0	0	4	2.3	37	20.8

+ Xếp loại học tập và hạnh kiểm khối 9

Lớp	SS CN	Xếp loại học lực										Xếp loại hạnh kiểm							
		Giỏi		Khá		TB		YẾU		Kém		Tốt		Khá		TB		YẾU	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
K9	179	41	22,9	71	39,7	67	37,4	0	0	0	0	120	67,0	57	31,8	2	1,1	0	0

* Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

Khối	Tổng số học sinh	Số lượng học sinh được lên lớp	Số lượng học sinh không được lên lớp
Khối 6	257	256	01
Khối 7	180	180	0
Khối 8	178	178	0
Khối 9	179	TN 100%	0
Toàn trường	794	614	01

c) **Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp;** số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Số lượng học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 179/179 đạt 100%

- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 48/179 = 26,8% .

d) Kết quả học sinh đạt giải HSG các cấp.

* **Chất lượng mũi nhọn năm học 2023-2024:** 59 giải thị xã; 06 giải cấp tỉnh.

- **Các môn văn hoá:**

(1) HSG các môn văn hóa cấp TX lớp 9: 20 em; lớp 9, số giải đạt được bằng so với năm học 2022-2023; Lớp 6,7,8: đạt 39 giải (giảm 04 giải so với năm học trước).

(2) HSG các môn văn hoá cấp Tỉnh: 06 em (03 giải nhất; 02 giải nhì; 01 giải ba giải Ba), tăng 02 giải so với cùng kỳ năm trước.

(3) Thi Olympic các môn chuyên: 04 em (02 huy chương vàng, 01 huy chương bạc, 01 huy chương đồng).

(4) Tin học trẻ; Đạt 03 giải (01 giải nhì, 02 giải KK)

- **KHKT:** Đạt 01 giải nhì cấp thị xã.

- **STTTNND:** Không tham gia.

e) Các hoạt động giáo dục toàn diện khác:

+ *Đối với lớp 6,7,8:* Thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các chương trình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Giáo dục địa phương.

+ *Đối với các lớp 9:* Thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các chương trình Hoạt động giáo dục tập thể; Hoạt động giáo dục NGLL; Giáo dục hướng nghiệp 9; Giáo dục địa phương.

* **Giáo dục thể chất và y tế trường học:** Thực hiện nghiêm túc công tác giáo dục thể chất, thể thao và y tế trường học. Nhà trường phối hợp tốt với trạm y tế xã tổ chức các hoạt động phòng chống dịch bệnh trong trường học, tổ chức khám sức khỏe cho 100% học sinh, phân loại, tư vấn cho phụ huynh học sinh vào đầu năm học; Tổ chức tốt các hoạt động thể dục thể thao, hàng ngày tập thể dục giữa giờ rèn luyện sức khỏe học sinh. Tổ chức, thực hiện chương trình GDTC đảm bảo thời lượng, phù hợp về nội dung, hình thức. Đổi mới phương pháp GDTC theo hướng phát triển năng lực học sinh, tạo sự hứng thú, yêu thích cho học sinh khi tham gia giờ học Thể dục.

- Tuyên truyền tới 100% phụ huynh, học sinh về chủ trương thực hiện đề án dạy bơi, kỹ năng phòng chống đuối nước; Tuyên truyền vận động phụ huynh cho con học bơi tại bể bơi trường Tiểu học Hiệp Hòa...Số HS biết bơi 426/830 chiếm tỷ lệ 51,3%.

- Tổ chức thành công lễ khai mạc hội khỏe Phù Đổng cấp trường, tổ chức nghiêm túc, quy mô tập luyện, thi đấu các môn thể thao cấp trường: cờ vua, điền kinh, đá cầu. cầu lông, bóng đá. Lập đội tuyển, tập luyện thi đấu các môn thi cấp thị xã, cấp tỉnh.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc QĐ 53/QĐ-BGD&ĐT trong năm học, hoàn thành chương trình giáo dục thể chất, kiểm tra, đánh giá thể lực học sinh theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể xếp loại đạt và tốt 794/794 = 100%. (học sinh); thực hiện tốt các hoạt động tập thể ngoại khóa được gắn với các ngày lễ; ngày kỷ niệm trong tháng. Triển khai có hiệu quả bài thể dục buổi sáng; võ cổ truyền; TD nhịp điệu,....

- **HSG thể chất:** Tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp thị xã đạt 11 giải : + Cờ Vua cấp thị xã đạt 01 giải nhì; 01 giải ba. + Đá cầu đạt 03 giải ba (01 đơn nữ, 01 đôi nữ và 01 đôi nam nữ) . + Môn Cầu lông đạt giải ba toàn đoàn: và đạt 06 giải trong đó 01 giải nhì và 05 giải ba (02 giải 3 đơn nam; 02 giải ba đôi nam nữ; 01 giải ba đôi nữ; 01 giải đôi nam) - **Cấp tỉnh đạt 06 huy chương** (02 huy chương Vàng Võ Vovinam, 01 huy chương đồng cờ vua, 02 huy chương đồng võ cổ truyền, 01 huy chương đồng môn Cầu lông).

F) Hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống:

- *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:* Thực hiện tốt tuyên truyền về ATGT; phòng chống bạo lực, các tệ nạn xã hội và TNTT dưới hình thức sân khấu hóa trong tiết chào cờ

đầu tuần. Phối hợp với Công an xã Hiệp Hòa tổ chức tuyên truyền về phòng chống ma túy, bạo lực học đường, an toàn cho học sinh trong nhà trường ; phối hợp với Trung tâm Y tế thị xã tổ chức tuyên truyền về sức khỏe sinh sản vị thành viên; phòng chống dịch bệnh học đường và các dịch bệnh theo mùa...

+ Các HĐTNST: Tổ chức trung thu: Thi bày mâm ngũ quả; Tổ chức các hoạt động nhân đạo, từ thiện nhân dịp Tết Nguyên đán với tổng số tiền: **13.017.000 đồng**.

+ Thi trang trí bảng truyền thông theo các chủ điểm tháng, gắn liền với các chuyên hiệu rèn luyện đội viên.

+ Tổ chức sinh hoạt dưới cờ theo kế hoạch, chủ điểm "*Mỗi tuần một câu chuyện đẹp, một cuốn sách hay, một tấm gương sáng*"

+ 100% Học sinh tham gia cuộc thi trực tuyến “60 năm xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Ninh” với tổng số lượt 2254 lượt thi, tuyên dương khen thưởng các tập thể, cá nhân đạt giải./.

VI.KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Công khai quyết toán ngân sách và các khoản thu năm học 2023 - 2024

(Có hồ sơ kèm theo)

VII.KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1.Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi phụ đạo học sinh yếu kém

***Công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi**

- Công tác bồi dưỡng đội tuyển HSG hàng năm được nhà trường đặc biệt quan tâm. Việc tổ chức bồi dưỡng đội tuyển HSG được BGH nhà trường lên kế hoạch phân công cụ thể và tiến hành triển khai nghiêm túc theo kế hoạch. GV được phân công dạy là những giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và tâm huyết, không đòi hỏi sự thù lao nào.

- Phân công giáo viên có năng lực trình độ chuyên môn chuyên sâu bồi dưỡng. Xây dựng kế hoạch từ đầu năm học. Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trong các môn học. Hàng tuần có lịch bồi dưỡng cụ thể. Coi trọng công tác bồi dưỡng HSG là mũi nhọn.

Kết quả HSG các cấp:

(1) HSG các môn văn hóa cấp TX lớp 9: 20 em; lớp 9, số giải đạt được bằng so với năm học 2022-2023; Lớp 6,7,8: đạt 39 giải (giảm 04 giải so với năm học trước).

(2) HSG các môn văn hoá cấp Tỉnh: 06 em (03 giải nhất; 02 giải nhì; 01 giải ba giải Ba), tăng 02 giải so với cùng kỳ năm trước.

(3) Thi Olympic các môn chuyên: 04 em (02 huy chương vàng, 01 huy chương bạc, 01 huy chương đồng).

(4) Tin học trẻ; Đạt 03 giải (01 giải nhì, 02 giải KK)

- **KHKT**: Đạt 01 giải nhì cấp thị xã.

- **STTTNND**: Không tham gia.

***Phụ đạo học sinh yếu kém**

- Công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu luôn được quan tâm đúng mức, được triển khai thực hiện bắt đầu từ đầu năm học 3 môn Toán, Văn, Anh cho 04 khối lớp, chất lượng học sinh đại trà duy trì ổn định.

- Chất lượng đại trà, phụ đạo học sinh yếu kém được quan tâm. Nâng cao chất lượng dạy học, học thật, chất lượng thật được đánh giá qua kỳ khảo sát chất lượng cuối năm của Phòng giáo dục.

2. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM

2.1. Việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

- Thực hiện sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục ĐT thị xã Quảng Yên nhà trường đã tập huấn về chuyên môn cho tất cả các giáo viên ngay từ đầu năm. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Giúp HS tự tìm tòi phát hiện và tìm ra kiến thức cần nắm vững, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, phiếu học tập... góp phần đem lại hiệu quả dạy học. Thực hiện chuyên đề cấp thị xã môn Trải nghiệm hướng nghiệp được đánh giá cao.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra 1 tiết, cuối học kì, cuối năm học theo ma trận và viết câu hỏi phục vụ ma trận đề. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, giáo viên và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

- Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài giảng, tập trung thảo luận các chuyên đề, nội dung khó của môn học hoặc những phương pháp dạy học, cách thức tổ chức lớp học hiệu quả cho các nội dung đó. Chỉ đạo tổ chuyên môn lồng ghép nội dung này trong sinh hoạt cụm, chuyên đề các cấp.

* *Những tồn tại hạn chế:* Một số giáo viên còn chưa tích cực đổi mới kiểm tra đánh giá, chủ yếu ở các giáo viên có tuổi. Vì vậy còn ảnh hưởng đến chất lượng nói chung. Công tác chuyển đổi số, ứng dụng phần mềm trong dạy học hiệu quả còn hạn chế.

2.2. Công tác giáo dục STEM

* *Công tác chỉ đạo.*

- Nhằm thúc đẩy việc triển khai công tác giáo dục về STEM trong chương trình GDPT mới, thời gian qua, nhà trường đã lan tỏa chương trình tập huấn STEM cho

GV. Chương trình tập huấn nhằm cung cấp cho giáo viên phương pháp hỗ trợ học sinh nâng cao kiến thức chuyên môn và liên môn, phát triển tư duy, kỹ năng làm việc nhóm cũng như cá nhân trong quá trình học tập.

- Xây dựng Kế hoạch ngay từ đầu năm cho tổ chuyên môn. Yêu cầu mỗi giáo viên lập kế hoạch bộ môn có sự phê duyệt của BGH.

* *Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua nhà trường đã chỉ đạo lên lớp dạy học 35 tiết dạy học STEM. Các môn học đã ứng dụng STEM vào dạy học đảm bảo hiệu quả.

* *Những tồn tại hạn chế:* Còn một số bộ phận GV ngại đổi mới chưa mạnh dạn thực hiện triển khai công tác này.

2.3. Về việc triển khai cuộc thi KHKT.

* *Công tác chỉ đạo.*

Thực hiện Công văn của Sở giáo dục ĐT Quảng Ninh về việc hướng dẫn tổ chức cuộc thi KHKT, nhà trường đã nghiêm túc triển khai tới GV và HS toàn trường.

- Khuyến khích học sinh trung học nghiên cứu, sáng tạo khoa học, công nghệ, kỹ thuật, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống;

- Góp phần thúc đẩy đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, đổi mới hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập, phát triển năng lực học sinh, nâng cao chất lượng dạy học trong các cơ sở giáo dục trung học;

- Tạo cơ hội để học sinh trung học giới thiệu kết quả nghiên cứu, sáng tạo khoa học, kỹ thuật của mình;

- *Kết quả đã đạt:* Có 01 sản phẩm dự thi NCKHKT trong đó 01 giải nhì cấp thị xã; tham gia thi KHKT cấp tỉnh không có giải;

2.4. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

* *Công tác chỉ đạo.*

- Nhà trường triển khai nghiêm túc Công văn về Hướng dẫn triển khai công tác Giáo dục an toàn giao thông cấp THCS và THPT.

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm. Công trường không để ùn tắc, bán hàng, tụ tập đông người. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước các đợt cao điểm trong năm.

- Tích cực tuyên truyền nội dung này cho GV và HS. Lồng ghép nội dung đạo đức, lối sống trong các môn học như GD CD, MT, AN, NV có hiệu quả. Tổ chức các chuyên đề HĐGD NGLL, tham gia cuộc thi ANGT vì Nụ cười ngày mai... có 01 HS đạt giải cấp tỉnh.

* *Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua không có tình trạng HS bị thương tích vì tai

nạn giao thông.

**Những tồn tại hạn chế:* Một số phụ huynh còn chưa ý thức cao trong VĐ nhắc nhở phối hợp cho HS khi tham gia giao thông, còn để HS đi xe điện tùy tiện.

2.5.Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

** Công tác chỉ đạo.*

Giáo dục cho HS niềm yêu lao động và ý thức đúng đắn với nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đổi mới nội dung và phương thức GD như cho HS tăng cường hoạt động trải nghiệm...Lồng ghép thông qua việc dạy tích hợp với các bài dạy ở tất cả các bộ môn.

** Kết quả đã đạt:* Cơ bản trang bị cho HS những kiến thức kỹ năng lao động cần thiết khi HS hết L9 có thể tham gia lao động sản xuất.

** Những tồn tại hạn chế:* Việc tuyên truyền ND này còn chưa sâu rộng. ND dạy còn chưa đa dạng.

2.6.Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

** Công tác chỉ đạo.*

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

** Kết quả đã đạt:* Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên.

** Những tồn tại hạn chế:* Do tình trạng tinh giản nên việc dồn bộ phận phụ trách còn chông chéo công việc, không chuyên sâu ảnh hưởng khó khăn trong công tác chỉ đạo

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024-2025 tính đến thời điểm 31/12/2024 của trường THCS Hiệp Hoà, nhà trường công khai đến Lãnh đạo, Cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2024-2025.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận

- Bảng tin thông báo NT;
- Đăng trên trang web đơn vị;
- Lưu VT.

Nguyễn Thuý Quỳnh